

Bản án số: 21/2024/HS-ST

Ngày: 20-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Hội.

Ông Bùi Hoàng Khải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vũ Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/. Lý Thị N, sinh năm 1989 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Kh, thị trấn Sa R, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn H, sinh năm 1952 và con bà Lê Thị, sinh năm 1962; có chồng tên Hà Thành Q, sinh năm 1985; có 02 người con: Lớn sinh năm 2014 và nhỏ sinh năm 2023; có 03 anh em; bị cáo là con út trong gia đình; tiền sự: Không; tiền án: Không; tạm giữ: tạm giam: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/. Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 19-11-1978 tại tỉnh Đồng Tháp; Hộ khẩu thường trú: Kh, thị trấn Sa R, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp; Nơi ở hiện nay: Ấ, xã Tân Th, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Tr, sinh năm 1929 (chết) và con bà Trần Thị H, sinh năm 1941 (chết); có chồng Phạm Đình T, sinh năm 1975; có 01 người con sinh năm 2007; có 02 anh em; bị cáo là con út trong gia đình; tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 29-9-2023 bị Công an thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc số tiền 1.000.000 đồng đã nộp phạt xong ngày 30-9-2023; tạm giữ: tạm giam: Không. Hiện bị cáo

đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/. Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1981 (có mặt).

Cư trú: Kh, thị trấn Sa R, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

2/. Phạm Thị H, sinh năm 1985 (có mặt).

Cư trú: Kh, thị trấn Sa R, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

3/. Nguyễn Ngọc Kh, sinh năm 1990 (có mặt).

Cư trú: Kh, thị trấn Sa R, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

4/. Nguyễn Trần Như Q, sinh năm 1990 (có mặt).

Cư trú: Ấ, xã Tân Th, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971 (vắng mặt).

2/. Trần Thị N, sinh năm 1949 (vắng mặt).

3/. Lê Đức Đ, sinh năm 1961 (có đơn xin vắng mặt).

4/. Nguyễn Duy L, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt).

5/. Đỗ Tấn Ph, sinh năm 1997 (vắng mặt).

6/. Nguyễn Triều A, sinh năm 1990 (vắng mặt).

7/. Ngô Thị Diễm H, sinh năm 1991 (có mặt).

Cùng cư trú: Kh, thị trấn Sa R, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

8/. Dương Văn M, sinh năm 1982 (có mặt).

9/. Dương B, sinh năm 1950 (có đơn xin vắng mặt).

10/. Hà Thị Ánh, sinh năm 1970 (có mặt).

11/. Nguyễn Văn D, sinh năm 1972 (có mặt).

12/. Võ Văn Công Tr, sinh năm 1983 (có mặt).

13/. Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1984 (có mặt).

14/. Lê Thị Bé L, sinh năm 1969 (có mặt).

15/. Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1969 (vắng mặt).

16/. Phan Thị Bé Th, sinh năm 1984 (vắng mặt).

17/. Hà Thành Qua, sinh năm 1985 (có mặt).

18/. Nguyễn Văn Chí L, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Kh, thị trấn Sa R, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

19/. Đặng Thị Ph, sinh năm 1987 (vắng mặt).

20/. Nguyễn Hữu T, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Kh, thị trấn Sa R, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

21/. Huỳnh Thị H, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp Gò D, xã Bình Ph, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

22/. Dương Thị Ngọc H, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp Long B, xã Long Kh, huyện Hồng Ng, tỉnh Đồng Tháp.

23/. Lê Tấn S, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp Thành L, xã Tân Công Ch, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lý Thị N là Công chức tư pháp - Hộ tịch thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp và được UBND thị trấn Sa Rài phân công tiếp nhận hồ sơ và giải quyết các thủ tục hành chính. Trong thời gian từ năm 2020 đến năm 2022, bị cáo N nhận làm hồ sơ thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng đất của nhiều người dân. Sau khi nhận hồ sơ và làm thủ tục cho người dân thì bị cáo N đã được cho tiền hoa hồng từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng trên một hồ sơ. Cũng trong thời gian này, bị cáo N đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt nhiều giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân để thế chấp vay tiền, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào năm 2020 anh Dương Văn M đến gặp bị cáo Lý Thị N nhờ làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Dương B (cha ruột anh M) chuyển sang tên anh Dương Văn M; thửa số 87; tờ bản đồ số 63; diện tích 286,6 m² tại thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Đến ngày 29-7-2022, bị cáo N đã tự viết 01 biên nhận ghi ngày 03-3-2022 với nội dung là ông Dương B có mượn tiền của bị cáo N số tiền 50.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận thửa đất và ký tên vào cột người mượn và ghi họ tên là Dương B, N tiếp tục ký và ghi họ tên vào cột con ruột tên Dương Văn M. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, bị cáo N đi đến nhà của chị Ngô Thị Diễm H gặp chị Nguyễn Thị Cẩm H hỏi vay số tiền 40.000.000 đồng, chị H đồng ý cho vay nhưng yêu cầu phải thế chấp tài sản, sau đó bị cáo N thế chấp cho chị Hồng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Dương B và 01 giấy biên nhận ghi ngày 03-3-2022 do bị cáo N tự viết và ký tên Dương B trước đưa cho chị H nên chị H đồng ý đưa cho N số tiền 40.000.000 đồng, sau đó bị cáo N viết cho chị H một biên nhận ghi ngày 01-7-2022 (âm lịch) với nội dung có mượn của chị H số tiền 40.000.000 đồng. Đến ngày 07-8-2022 bị cáo N tiếp tục gặp chị H tại nhà của chị H và hỏi vay của chị H thêm số tiền 8.000.000 đồng, chị H đã đồng ý và đưa số tiền là 8.000.000 đồng, bị cáo N viết phía dưới của biên nhận trước đã vay của H 40.000.000 đồng với nội dung có mượn số tiền 8.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Cẩm H ký tên và ghi họ tên. Tổng cộng bị cáo N đã chiếm đoạt của chị H số tiền 48.000.000 đồng.

- Lần thứ hai: Vào ngày 09-02-2022, chị Nguyễn Thị Đ đến gặp bị cáo Lý Thị N để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn

Thị Đ; thửa số 189; tờ bản đồ số 34; diện tích: 149,9 m² tại khóm 1, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp sang tên anh Nguyễn Nghĩa Th (là chồng của chị Đ). Đến ngày 05-8-2022 bị cáo N có hỏi vay tiền của chị Phạm Thị H với số tiền là 50.000.000 đồng, chị H đồng ý nhưng yêu cầu phải người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký tên vào biên nhận tiền, bị cáo N điện thoại cho chị Ngô Thị Diễm H và nói có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Thị Đ muốn vay tiền của chị H với số tiền 50.000.000 đồng nhưng phải chị Nguyễn Thị Đ ký tên mới cho vay. Sau đó bị cáo N liên hệ và nhờ bị cáo Nguyễn Thị Thùy Tr giả làm chị Đ đi lại chỗ chị H ký tên vào biên nhận để vay tiền thì bị cáo Tr đồng ý. Nhưng bị cáo Tr yêu cầu khi vay được phải cho bị cáo Tr mượn số tiền là 7.000.000 đồng bị cáo N đồng ý. Đến chiều ngày 06-8-2022 bị cáo N điều khiển xe mô tô chở bị cáo Tr đến nhà chị H để bị cáo Tr ký tên Đ, ghi họ và tên Nguyễn Thị Đ vào biên nhận vay tiền của chị H với số tiền 50.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Thị Đ. Khi nhận tiền xong, bị cáo N đưa cho bị cáo Tr mượn số tiền 7.000.000 đồng, sau đó bị cáo Tr đã đưa số tiền 7.000.000 đồng cho Hg nhờ trả lại cho bị cáo N. Tổng cộng bị cáo Lý Thị N và bị cáo Nguyễn Thị Thùy Tr đã chiếm đoạt của chị H số tiền 50.000.000 đồng.

- Lần thứ ba: Vào khoảng tháng 7-2021 chị Đặng Thị Ngọc Ph đến UBND thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp gặp bị cáo Lý Thị N để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Đặng Văn Hg (cha ruột chị Ph) sang tên cho anh Đặng Hữu Ng (là anh ruột chị Ph) thửa số 27; tờ bản đồ số 54; diện tích 71 m² tại thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Đến ngày 10-8-2022 bị cáo N đã tự viết 01 biên nhận ghi ngày 29-4-2022 với nội dung ông Đặng Văn H có mượn của bị cáo N số tiền 80.000.000 đồng và có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó bị cáo N tự ký tên vào cột người nhận tiền là tên “H” và ghi họ tên Đặng Văn H và điểm chỉ màu đỏ dấu vân tay của bị cáo N vào chữ ký tên “H” đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy biên nhận ghi ngày 29-4-2022 trên đến nhà chị H thì gặp chị Nguyễn Trần Như Q hỏi vay của chị Q với số tiền 50.000.000 đồng, chị Q đồng ý nhưng yêu cầu phải thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị cáo N đã thế chấp cho chị Q 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Đặng Văn H và 01 giấy biên nhận ghi ngày 29-4-2022 do bị cáo N tự viết, chị Q đồng ý, sau đó N viết 01 biên nhận ghi ngày 10-8-2022 với nội dung bị cáo N có mượn của chị Q số tiền là 50.000.000 đồng và ký, ghi họ tên vào người mượn, sau đó chị Q đưa cho bị cáo N số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo N đã chiếm đoạt của chị Q số tiền 50.000.000 đồng.

- Lần thứ tư: Vào năm 2021 ông Lê Đức Đ gặp bị cáo Lý Thị N để nhờ làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Đăng B cho ông Lê Đức Đ thửa số 4.011; tờ bản đồ số 01; diện tích 215,6 m² tại thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Đến ngày 17-8-2022 bị cáo N đã tự viết 01 biên nhận ghi ngày 17-7-2022 với nội dung là ông Nguyễn Đăng B có mượn của bị cáo N số tiền 90.000.000 đồng, lý do: Mua thức ăn, sau đó bị cáo N tự ký tên vào cột người ghi biên nhận và ghi họ tên là Nguyễn Đăng B và ký tên, ghi họ tên vào cột người cho mượn. Đến ngày 18-8-2022 bị cáo N đi đến quán cà phê “Cỏ” thuộc khóm 3, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng để gặp anh Nguyễn

Ngọc Kh hỏi vay số tiền là 70.000.000 đồng, anh Kh đồng ý nhưng yêu cầu phải thế chấp tài sản bị cáo N đưa cho anh Kh 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Đăng B và 01 giấy biên nhận ghi ngày 17-7-2022 anh Kh đồng ý và đưa cho bị cáo N số tiền 70.000.000 đồng. Sau đó anh Kh có viết cho N một biên nhận ghi ngày 18/8/2022 với nội dung là bị cáo N có mượn của anh Kh số tiền 70.000.000 đồng và N ký ghi họ tên vào người nhận. Tổng cộng bị cáo N đã chiếm đoạt của anh Kh số tiền 70.000.000 đồng.

- Lần thứ năm: Vào ngày 21-6-2022 chị Hà Thị Á có hỏi vay bị cáo N số tiền 200.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Hà Thị Á thuộc thửa đất số 27; tờ bản đồ số 48; diện tích 94,8 m² tại thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Giữa bị cáo N với chị Á và anh Nguyễn Văn D (là chồng của chị Á) có thỏa thuận sẽ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bị cáo N đứng tên, khi nào chị Á và anh D trả đủ số tiền là 200.000.000 đồng thì bị cáo N sẽ làm thủ tục sang tên lại cho chị Á Sau đó, bị cáo N làm thủ tục chuyển nhượng sang tên của bị cáo N, chị Á và anh D đều ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng bị cáo N đưa cho chị Á số tiền là 150.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng bị cáo N giữ lại để đóng tiền nợ chuyển mục đích sử dụng của chị Á. Sau khi làm thủ tục chuyển nhượng xong, chị Á và anh D đi Đồng Nai làm thuê. Thời điểm này, anh Võ Văn Công Tr thay thế bị cáo N là cán bộ tư pháp hộ tịch, do hồ sơ bị sai nên bị cáo N đã làm một bộ hồ sơ khác để chuyển nhượng từ chị Á sang tên của anh Đỗ Tấn Ph vì bị cáo N đã vay của anh Ph số tiền 300.000.000 đồng và điện thoại kêu chị Á và anh D về ký lại hồ sơ thì chị Á và anh D không về được nên chị Á có điện thoại cho người chị dâu của chị Á là bà Huỳnh Thị H ký tên dùm vào hợp đồng chuyển nhượng, rồi bị cáo N rước bà H đến UBND thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng để ký thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do anh Võ Văn Công Tr đi công tác nên đã nhờ chị Phan Thị Bé Th là cán bộ tiếp dân của bộ phận một cửa UBND thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng tiếp nhận hồ sơ. Tại đây, bà Hương đã ký tên Á vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, còn người đàn ông ký tên D thì hiện nay chưa rõ lai lịch, rồi chị Th đã chuyển hồ sơ cho anh Tr để tiếp tục làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Đỗ Tấn Ph. Đến ngày 15-8-2022 bị cáo N kêu anh Ph đến phòng công chứng Bùi Đức Gi làm thủ tục mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng tên Đỗ Tấn Ph cho anh Nguyễn Duy L và anh L đã chuyển khoảng số tiền 320.000.000 đồng cho anh Đỗ Tấn Ph. Giữa bị cáo N với chị Á có thỏa thuận miệng với nhau là cho vay lãi xuất 3%/ tháng và chị Á đã đóng lãi cho bị cáo N được một lần là 5.000.000 đồng và không có trả tiền gốc. Giữa bị cáo N với Ph có thỏa thuận miệng với nhau là cho vay lãi xuất 5%/tháng và bị cáo N đã đóng lãi cho Ph được ba lần tổng số tiền là 45.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ chứng minh.

- Lần thứ sáu: Vào khoảng năm 2020 anh Nguyễn Văn D (chồng của chị Á) mua của anh Tám Tr một thửa đất số 2; tờ bản đồ số 48; diện tích 67,4 m² tại thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng nhờ bị cáo N sang tên dùm. Sau khi thửa đất chuyển sang tên Nguyễn Văn D xong thì anh D và chị Á hỏi vay bị cáo N số tiền 50.000.000 đồng và đưa giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Văn D nhưng không có làm biên nhận gì hết. Đến đầu năm 2022 anh D và chị Á đã trả cho bị cáo N số tiền 50.000.000 đồng nhưng bị cáo N không có trả lại giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Văn D. Thời điểm này, ông Nguyễn Hữu T đã vay của bị cáo N số tiền 170.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Hữu T thửa số 52; tờ bản đồ 63; diện tích 211,7m² tại thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng. Đến khoảng giữa năm 2022 bị cáo N hỏi vay của chị Dương Thị Ngọc H số tiền 150.000.000 đồng bị cáo Nu đã làm thủ tục sang nhượng quyền sử dụng đất cho chị H và tự ký tên Á và D trong hợp đồng chuyển nhượng sang tên cho chị H. Sau đó, bị cáo N tiếp tục vay của chị H số tiền 170.000.000 đồng và làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất của ông T cho chị H, khi làm thủ tục chuyển nhượng đất thì gia đình của ông T đã đến ký tên vào hợp đồng. Đến ngày 04-7-2022 bị cáo N kêu chị H đến phòng công chứng Bùi Đức Gi để chuyển nhượng hai thửa đất này lại cho chị Nguyễn Triều A để bị cáo N vay số tiền 500.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong bị cáo N đã trả cho chị H số tiền 320.000.000 đồng đưa cho Nguyễn Hữu Ng con của Nguyễn Hữu T vay số tiền 180.000.000 đồng. Ngày 17-8-2022 bị cáo N tiếp tục vay của Triều A số tiền 109.625.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo N vay của Tr A số tiền 609.625.000 đồng. Giữa bị cáo N với anh D và chị Á có thỏa thuận miệng với nhau là lãi xuất 3%/ tháng và chị Á đã đóng lãi và trả tiền gốc cho bị cáo N xong. Giữa bị cáo N với H có thỏa thuận miệng với nhau là lãi xuất 5%/tháng, bị cáo N đã trả tiền gốc và tiền lãi cho H xong. Giữa bị cáo N với Triều A có thỏa thuận miệng với nhau là lãi xuất 6%/tháng, bị cáo N chưa có trả tiền gốc và tiền lãi cho Triều A. Giữa bị cáo N với ông Tâm và Ng có thỏa thuận miệng với nhau là lãi xuất 3%/tháng, ông T với Ng chưa có đóng lãi hay trả tiền gốc cho bị cáo N.

- Lần thứ bảy: Ngày 16-9-2020 ông Nguyễn Văn Ch và bà Lê Thị Bé (là vợ ông Ch) có vay của bị cáo N số tiền 35.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Văn Ch (là con ruột của ông Ch) thuộc thửa đất số 21; tờ bản đồ số 48; diện tích 81 m² tại khóm 2, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Do bị cáo N và vợ chồng ông Ch đã thỏa thuận sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bị cáo N đứng tên khi nào trả tiền xong sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất lại cho vợ chồng ông Ch nên bị cáo N đã làm hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất tên Nguyễn Văn Ch sang tên cho bị cáo N. Trên hợp đồng chuyển nhượng bị cáo N ký tên bên nhận chuyển nhượng và bị cáo N đã đưa hồ sơ chuyển nhượng cho vợ chồng ông Ch đem về nhà, ngày hôm sau vợ chồng ông Ch đưa hồ sơ chuyển nhượng lại cho bị cáo N đã có chữ ký của anh Ch và vợ chồng ông Ch nói là anh Ch đã về ký tên. Lúc này, bị cáo N còn làm công chức tư pháp hộ tịch đã tiếp nhận hồ sơ và đưa cho hồ sơ chị Phan Thị Bé Th. Do thấy chỗ quen biết nên chị Th đã ký vào chỗ cán bộ tiếp nhận hồ sơ và trình hồ sơ cho anh Lê Văn Ph là Chủ tịch UBND thị trấn Sa Rài ký chứng thực và làm hồ sơ chuyển nhượng sang tên của N. Đến khoảng tháng 11-2021 thì vợ chồng ông Ch tiếp tục vay thêm số tiền 30.000.000 đồng tổng số tiền vợ chồng ông Ch vay của bị cáo N số tiền 65.000.000. Đến ngày 22-6-2021 bị cáo N đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên vay của chị Dương Thị Ngọc H số tiền 200.000.000 đồng và tiến hành làm thủ tục chuyển nhượng sang tên của chị Dương Thị Ngọc H. Bị cáo N với H thỏa thuận miệng lãi xuất là 5%/ tháng từ tháng 6-2021 đến tháng 8-2022 bị cáo N đã đóng lãi được 13 tháng với số tiền 130.000.000 đồng và không có trả tiền gốc. Bị cáo N với vợ chồng ông Ch thỏa thuận miệng lãi xuất là 3%/ tháng nhưng vợ chồng

ông Ch có đóng lãi khoảng 5 lần với số tiền 3.000.000 đồng và không có trả tiền gốc.

Trong giai đoạn điều tra, đã xác định bị cáo Lý Thị N đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của các bị hại Nguyễn Thị Cẩm H số tiền 48.000.000 đồng; Phạm Thị H số tiền 50.000.000 đồng; Nguyễn Trần Như Q số tiền 50.000.000 đồng và Nguyễn Ngọc Kh số tiền 70.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo N đã chiếm đoạt số tiền 218.000.000 đồng, trong đó bị cáo Lý Thị N và bị cáo Nguyễn Thị Thùy Tr chiếm đoạt của bị hại Phạm Thị H số tiền 50.000.000 đồng.

Riêng đối với lần thứ năm, thứ sáu và thứ bảy xét thấy hành vi của bị cáo Lý Thị N không đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" vì đây là quan hệ tranh chấp dân sự giữa bị cáo Lý Thị N với chị Nguyễn Triều A, chị Dương Thị Ngọc H, anh Nguyễn Duy L, anh Đỗ Tấn Ph, chị Hà Thị Á, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Văn Ch và bà Lê Thị Bé L.

Vật chứng của vụ án thu giữ:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DG 491501 do Nguyễn Duy L đứng tên, thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số: 48, diện tích: 94,8 m², địa chỉ: thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DB 858546 do Dương Thị Ngọc H đứng tên, thuộc thửa đất số: 02, tờ bản đồ số: 48, diện tích: 67,4 m², địa chỉ: thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CK421399 do Nguyễn Văn Ch đứng tên, thuộc thửa đất số: 21, tờ bản đồ số: 48, diện tích: 81 m², địa chỉ: khóm 2, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

(Tất cả đã lưu vào hồ sơ vụ án).

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV839193, tên Dương B, thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 63, địa chỉ: thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Diện tích: 286,6m².

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT581132, tên Nguyễn Thị Đ, thuộc thửa đất số 189, tờ bản đồ số 34, địa chỉ: khóm 1, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Diện tích: 149,9m².

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B411066, tên Đặng Văn H, thuộc thửa đất số 2831, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa đất số 27, tờ bản đồ số 54), địa chỉ: thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Diện tích: 71m².

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0762001, tên Nguyễn Đăng B, thuộc thửa đất số 4011, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Diện tích: 215,6m².

- 01 hợp đồng thế chấp tài sản bản chính ghi ngày 04/7/2022; 01 biên nhận bản chính ghi ngày 17/8/2022; 01 tờ thỏa thuận ghi ngày 22/6/2021 với nội dung chị N có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CK421399; 01 biên nhận ghi ngày 03/3/2022 với nội dung ông Dương B có mượn tiền của N số tiền 50.000.000 đồng; 01 biên nhận ghi ngày 01/7/2022 với nội dung Nu có mượn tiền của chị Nguyễn Thị Cẩm H số tiền 48.000.000 đồng; 01 biên nhận tiền ghi ngày 07/8/2022; 01 biên nhận bản chính ghi ngày 29/4/2022 với nội dung ông Đặng Văn H có mượn tiền của N số tiền 80.000.000 đồng; 01 biên nhận tiền ghi ngày 10/8/2022 với nội dung N có mượn tiền của chị Nguyễn Trần Như Q số tiền 50.000.000 đồng; 01 biên nhận bản chính ghi ngày 17/7/2022 với nội dung ông Nguyễn Đăng B có mượn tiền của N số tiền 90.000.000 đồng; 01 biên nhận tiền ghi ngày 18/8/2022 với nội dung N có mượn tiền của anh Nguyễn Ngọc Kh số tiền 70.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số: 966/KL-KTHS, ngày 25/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận:

- Dấu vân tay in dưới mục “Bên chuyển nhượng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 với dấu vân tay ngón trỏ phải in trên chỉ bản mẫu so sánh ghi họ tên Nguyễn Văn T, sinh năm: 1951 ký hiệu M là do cùng một người in ra.

- Dấu vân tay (dấu bên phải) in dưới mục “Người chuyển quyền SDD” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 với dấu vân tay ngón trỏ phải in trên chỉ bản mẫu so sánh ghi họ và tên Nguyễn Văn T, sinh năm: 1951 ký hiệu M là do cùng một người in ra.

- Dấu vân tay in dưới mục “Đại diện bên chuyển nhượng QSDĐ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 và dấu vân tay (dấu bên phải) in dưới mục “Người chuyển quyền SDD” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 không đủ yếu tố giám định.

Tại Bản kết luận giám định số: 1171/KL-KTHS ngày 21/12/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận:

Chữ ký “Ch”, chữ viết họ tên Nguyễn Văn Ch trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/9/2020) so với chữ ký, chữ viết đúng tên Nguyễn Văn Ch trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M6 không phải do cùng một người ký, viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số: 16/KL-KTHS ngày 03/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận:

- Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Hà Thị Á trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/7/2022) so với chữ ký, chữ viết họ tên Hà Thị Á trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 không phải do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Văn D trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/7/2022) so với chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Văn D trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M5 đến M7 không phải do cùng một người ký, viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số: 220/KL-KTHS, ngày 24/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết họ tên “Hà Thị Á” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên “Hà Thị Á” trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 không phải do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Văn D” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên “Nguyễn Văn D” trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M5 đến M7 không phải do cùng một người ký, viết ra.

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKSTH ngày 08-3-2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố Lý Thị N đồng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự và truy tố Nguyễn Thị Thùy Tr đồng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Lý Thị N; Nguyễn Thị Thùy Tr thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thị Thùy Tr khai có chồng tên Phạm Đình T, hiện nay chưa ly hôn, có một con chung tên Phạm Nguyễn Xuân T, sinh năm 2007 (bị bệnh tâm thần).

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị hại có mặt điều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lý Thị N, riêng bị hại Phạm Thị H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị Thùy Tr và thừa nhận có nhận tiền bồi thường của bị cáo N trả là 1.500.000 đồng, nên chỉ yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền 48.500.000 đồng là đủ theo yêu cầu 50.000.000 đồng.

Tại phần luận tội, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lý Thị N đồng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thùy Tr đồng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và Điều 17 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lý Thị N phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lý Thị N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Lý Thị N được UBND huyện Tân Hồng tặng giấy khen năm 2019 đã có thành tích xuất sắc trong 15 năm thực hiện Chỉ thị 32 và Chỉ thị 05 năm thực hiện Luật phổ biến pháp luật; có chồng tên Hà Thành Qu được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Tháp tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2017 và năm 2018; được Bí thư tỉnh ủy Đồng Tháp tặng giấy khen năm 2021 đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” 05 năm liền; được Quân Khu 9 tặng giấy khen năm 2020 có thành tích xuất sắc thực hiện phong trào thi đua giai đoạn 2016-2020; có cha là ông Lý Văn H là người hoạt động trong kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (tỷ lệ suy giảm lao động 36%), được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì năm 2015; gia đình của bị cáo N đã tự nguyện nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng để khắc phục cho các bị

hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thùy Tr đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đang nuôi dưỡng người con mắc bệnh tâm thần, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên Kiểm sát viên đề nghị:

Xử phạt bị cáo Lý Thị N mức án từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy Tr mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng tuyên buộc bị cáo Lý Thị N có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại Nguyễn Thị Cẩm H số tiền 48.000.000 đồng; Phạm Thị H số tiền 48.500.000 đồng; Nguyễn Trần Như Qu số tiền 50.000.000 đồng và Nguyễn Ngọc Kh số tiền 70.000.000 đồng nhưng bị cáo N đã khắc phục được số tiền 10.000.000 đồng nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng.

Về xử lý vật chứng:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DG 491501 do Nguyễn Duy L đứng tên, thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số: 48, diện tích: 94,8 m², địa chỉ: thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DB 858546 do Dương Thị Ngọc Hân đứng tên, thuộc thửa đất số: 02, tờ bản đồ số: 48, diện tích: 67,4 m², địa chỉ: thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CK421399 do Nguyễn Văn Ch đứng tên, thuộc thửa đất số: 21, tờ bản đồ số: 48, diện tích: 81 m², địa chỉ: khóm 2, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. (Tất cả lưu vào hồ sơ vụ án).

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT581132, tên Nguyễn Thị Đ, thuộc thửa số 189, tờ bản đồ số 34, diện tích: 149,9m²; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV839193, tên Dương B, thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 63, diện tích: 286,6m²; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B411066, tên Đặng Văn H, thuộc thửa đất số 2831, tờ bản đồ số 01, diện tích: 71m²; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0762001, tên Nguyễn Đăng B, thuộc thửa đất số 4011, tờ bản đồ số 01, diện tích: 215,6m²; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV839193, tên Dương B, thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 63, diện tích: 286,6m². Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hồng đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Đ, bà Phg, ông Đ và ông M là phù hợp.

Việc bị cáo Lý Thị N cho rằng có nhờ chị Ngô Thị Diễm H liên hệ với bị cáo Nguyễn Thị Thùy Tr đóng giả làm chị Nguyễn Thị Đ để đến nhà chị H ký tên để N vay 50.000.000 đồng nhưng chỉ duy nhất là lời khai của bị cáo N, ngoài ra không có chứng cứ nào khác chứng minh là chị H đã liên hệ kêu bị cáo Tr đóng giả làm chị Nguyễn Thị Đ nên không có căn cứ để xử lý H về vai trò đồng phạm.

Đối với ông Lê Văn Ph - Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Sa Rài, ông Hà Thành Qu - Nguyên Phó Chủ tịch UBND thị trấn Sa Rài, bà Phan Thị Bé Th - cán bộ của Bộ phận một cửa của UBND thị trấn Sa Rài và ông Võ Văn Công Tr - công chức tư pháp hộ tịch của UBND thị trấn Sa Rài đã tiếp nhận hồ sơ, tham mưu và ký chứng thực các hợp đồng gồm: Hợp đồng giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 18/9/2020 đối với thửa đất số 21; tờ bản đồ số 48, diện tích 81 m²; Hợp đồng giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 03/6/2021 đối với thửa đất số 2; tờ bản đồ số 48; diện tích 67,4 m²; Hợp đồng giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 18/7/2022 đối với thửa đất số 27; tờ bản đồ số 48; diện tích 94,8 m². Nhưng ông Lê Văn Ph, ông Hà Thành Qu, bà Phan Thị Bé Th và ông Võ Văn Công Tr, không có hưởng lợi từ việc các hợp đồng nên không xem xét xử lý.

Đối với Nguyễn Văn Chí Linh yêu cầu bị cáo Lý Thị N trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 23; tờ bản đồ số 48; diện tích 198m² đây là quan hệ tranh chấp dân sự, nếu anh Linh có yêu cầu thì sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Đối với các hợp đồng gồm: Hợp đồng giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 18/9/2020 đối với thửa đất số 21; tờ bản đồ số 48; diện tích 81m² giữa Nguyễn Văn Ch với bị cáo Lý Thị N; Hợp đồng giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 03/6/2021 đối với thửa đất số 2; tờ bản đồ số 48; diện tích 67,4 m² giữa Lý Thị N với Dương Thị Ngọc H; Hợp đồng giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 18/7/2022 đối với thửa đất số 27; tờ bản đồ số 48; diện tích 94,8 m² giữa anh Nguyễn Văn D, chị Hà Thị Á với anh Đỗ Tấn Ph. Các hợp đồng chuyển nhượng trên không thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Nhà nước. Xét thấy, đây là quan hệ tranh chấp dân sự, nếu các anh, chị và bị cáo N có yêu cầu thì sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Đối với các yêu cầu của chị Nguyễn Triều A yêu cầu bị cáo Nu trả lại số tiền 300.000.000 đồng; chị Dương Thị Ngọc H yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền 200.000.000 đồng; anh Nguyễn Duy L yêu cầu anh Đỗ Tấn Ph trả lại số tiền 320.000.000 đồng và bị cáo Lý Thị N yêu cầu chị Hà Thị Á, anh Nguyễn Văn D trả lại số tiền 180.000.000 đồng và bị cáo N yêu cầu ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị Bé L trả lại số tiền 65.000.000 đồng. Xét thấy, đây là quan hệ tranh chấp dân sự, nếu các anh, chị và bị cáo N có yêu cầu thì sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Tại phần tranh luận: Các bị cáo; các bị hại; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia tranh luận.

Tại lời nói sau cùng: Các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, Kiểm sát viên trong quá trình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, lời khai thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo Lý Thị N ; Nguyễn Thị Thùy Tr phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố; phù hợp với vật chứng thu giữ được; kết luận giám định; lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người tham gia tố tụng khác và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đây là vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản do các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo N đã có hành vi gian dối nhiều lần chiếm đoạt số tiền của các bị hại cụ thể như sau: Chiếm đoạt của Nguyễn Thị Cẩm H số tiền 48.000.000 đồng; Phạm Thị H số tiền 50.000.000 đồng, Nguyễn Trần Như Q số tiền 50.000.000 đồng; Nguyễn Ngọc Kh số tiền 70.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền mà bị cáo N chiếm đoạt là 218.000.000 đồng; trong đó bị cáo Lý Thị N và bị cáo Nguyễn Thị Thùy Tr đã có hành vi gian dối chiếm đoạt của bị hại Phạm Thị H số tiền 50.000.000 đồng.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Lý Thị N; Nguyễn Thị Thùy Tr là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự. Xuất phát từ lòng tham của bản thân, bị cáo N đã nhiều lần bằng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các bị hại H, H, Q, Kh; trong đó có một lần bị cáo N cùng với bị cáo Tr bằng thủ đoạn gian dối một lần chiếm đoạt tiền của bị hại H . Lời thú nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Từ những phân tích trên, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lý Thị N đồng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự và hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thùy Tr đồng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và Điều 17 Bộ luật hình sự.

Điều luật trên quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”.

Điều 17 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm”.

[4] Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại, gây hoang mang, lo lắng trong cộng đồng dân cư trên địa bàn nơi xảy ra phạm tội nói riêng và tỉnh Đồng Tháp nói chung, chỉ vì muốn có tiền mà các bị cáo đã bằng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án này, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo N là người giữ vai trò chính đã rủ rê, lôi kéo bị cáo Tr cùng thực hiện.

Do đó cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, có xem xét vai trò của từng bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm có điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, nhằm cũng để răn đe và phòng ngừa chung. Nhưng Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết tăng nặng; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và về nhân thân cho các bị cáo.

[05] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lý Thị N phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thùy Tr không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lý Thị N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Lý Thị N được UBND huyện Tân Hồng tặng giấy khen năm 2019 đã có thành tích xuất sắc trong 15 năm thực hiện Chỉ thị 32 và Chỉ thị 05 năm thực hiện Luật phổ biến pháp luật; có chồng tên Hà Thành Qu được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Tháp tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2017 và năm 2018; được Bí thư tỉnh ủy Đồng Tháp tặng giấy khen năm 2021 đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” 05 năm liền; được Quân Khu 9 tặng giấy khen năm 2020 có thành tích xuất sắc thực hiện phong trào thi đua giai đoạn 2016-2020; có cha là ông Lý Văn H là người hoạt động trong kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (tỷ lệ suy giảm lao động 36%), được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì năm 2015; gia đình của bị cáo N đã tự nguyện nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng để khắc phục cho các bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thùy Tr đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đang nuôi dưỡng người con mắc bệnh tâm thần, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Ngày 29-9-2023 bị cáo Trang bị Công an thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc số tiền 1.000.000 đồng đã nộp phạt xong ngày 30-9-2023 nhưng chưa hết thời hiệu.

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT581132, tên Nguyễn Thị Đ, thuộc thửa số 189, tờ bản đồ số 34, diện tích: 149,9m²; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV839193, tên Dương B, thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 63, diện tích: 286,6m²; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B411066, tên Đặng Văn H, thuộc thửa đất số 2831, tờ bản đồ số 01, diện tích: 71m²; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0762001, tên Nguyễn Đăng B, thuộc thửa đất số 4011, tờ bản đồ số 01, diện tích: 215,6m²; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV839193, tên Dương B, thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 63, diện tích: 286,6m². Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hồng đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Đ, bà Ph, ông Đ và ông M là phù hợp.

Việc bị cáo Lý Thị N cho rằng có nhờ chị Ngô Thị Diễm H liên hệ với bị cáo Nguyễn Thị Thùy Tr đóng giả làm chị Nguyễn Thị Đ để đến nhà chị H ký tên để bị cáo N vay 50.000.000 đồng nhưng chỉ duy nhất là lời khai của bị cáo N, ngoài ra không có chứng cứ nào khác chứng minh là chị H đã liên hệ kêu bị cáo Tr đóng giả làm chị Nguyễn Thị Đ nên không có căn cứ để xử lý Hương về vai trò đồng phạm, là phù hợp.

Đối với ông Lê Văn Ph - Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Sa Rài), ông Hà Thành Qu - Nguyên Phó Chủ tịch UBND thị trấn Sa Rài, bà Phan Thị Bé Th - Cán bộ của Bộ phận một cửa của UBND thị trấn Sa Rài và ông Võ Văn Công Tr - Công chức tư pháp hộ tịch của UBND thị trấn Sa Rài đã tiếp nhận hồ sơ, tham mưu và ký chứng thực các hợp đồng gồm: Hợp đồng giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 18/9/2020 đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số: 48, diện tích: 81 m²; Hợp đồng giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 03/6/2021 đối với thửa đất số 2, tờ bản đồ số: 48, diện tích: 67,4 m²; Hợp đồng giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 18/7/2022 đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số: 48, diện tích: 94,8 m². Nhưng ông Lê Văn Ph, ông Hà Thành Qu, bà Phan Thị Bé Th và ông Võ Văn Công Tr, không có hưởng lợi từ việc các hợp đồng nêu không xem xét xử lý, là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn Chí L yêu cầu bị cáo Lý Thị N trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 23; tờ bản đồ số 48; diện tích 198m² đây là quan hệ tranh chấp dân sự, nếu anh L có yêu cầu thì sẽ khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

Đối với các hợp đồng gồm: Hợp đồng giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 18/9/2020 đối với thửa đất số 21; tờ bản đồ số 48; diện tích 81 m² giữa Nguyễn Văn Ch với bị cáo Lý Thị N; Hợp đồng giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 03/6/2021 đối với thửa đất số 2; tờ bản đồ số 48; diện tích 67,4 m² giữa bị cáo Lý Thị N với Dương Thị Ngọc H; Hợp đồng giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 18/7/2022 đối với thửa

đất số 27; tờ bản đồ số 48; diện tích 94,8 m² giữa anh Nguyễn Văn D chị Hà Thị Á với anh Đỗ Tấn Ph. Các hợp đồng chuyển nhượng trên không thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Nhà nước. Xét thấy, đây là quan hệ tranh chấp dân sự, nếu các anh, chị và bị cáo N có yêu cầu thì sẽ khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

Đối với các yêu cầu của chị Nguyễn Triều A yêu cầu bị cáo Nu trả lại số tiền 300.000.000 đồng; chị Dương Thị Ngọc H yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền 200.000.000 đồng; anh Nguyễn Duy L yêu cầu anh Đỗ Tấn Ph trả lại số tiền 320.000.000 đồng và bị cáo Lý Thị N yêu cầu chị Hà Thị Á, anh Nguyễn Văn D trả lại số tiền 180.000.000 đồng và bị cáo N yêu cầu ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị Bé L trả lại số tiền 65.000.000 đồng. Xét thấy, đây là quan hệ tranh chấp dân sự, nếu các anh, chị và bị cáo N có yêu cầu thì sẽ khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

[6] Về trách nhiệm dân sự: : Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 587 và 589 Bộ luật dân sự.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Lý Thị N và các bị hại:

Bị cáo Lý Thị N có trách nhiệm trả lại cho các bị hại Nguyễn Thị Cẩm H số tiền 48.000.000 đồng; Phạm Thị H số tiền 48.500.000 đồng; Nguyễn Trần Như Qu số tiền 50.000.000 đồng và Nguyễn Ngọc Kh số tiền 70.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng mà bị cáo Lý Thị N đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng để khắc phục cho các bị hại.

[7] Về xử lý vật chứng: Đã lưu vào hồ sơ vụ án và xử lý xong nên không xem xét.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lý Thị N; Nguyễn Thị Thùy Tr mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo Lý Thị N phải chịu 10.325.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Xét thấy phát biểu luận tội; đề nghị mức hình phạt; trách nhiệm dân sự; của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm b, v, s khoản 1 và 2 khoản Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lý Thị N đồng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lý Thị N 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thùy Tr đồng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy Tr 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 587 và 589 Bộ luật dân sự.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Lý Thị N và các bị hại:

Bị cáo Lý Thị N có trách nhiệm trả lại cho các bị hại: Nguyễn Thị Cẩm H số tiền 48.000.000 đồng; Phạm Thị H số tiền 48.500.000 đồng; Nguyễn Trần Như Q số tiền 50.000.000 đồng và Nguyễn Ngọc Kh số tiền 70.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng mà bị cáo Lý Thị N đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng để khắc phục cho các bị hại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về vật chứng: Đã lưu vào hồ sơ vụ án và xử lý xong nên không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lý Thị N; Nguyễn Thị Thùy Tr mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo Lý Thị N phải chịu 10.325.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo; các bị hại; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20-5-2024). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐT;
- VKSND huyện Tân Hồng, tỉnh ĐT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan CSĐT CA Tân Hồng, ĐT;
- Cơ quan THAHS CA Tân Hồng, ĐT;
- CC THADS huyện Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Văn Tựu